

Ninh Bình, ngày 06 tháng 02 năm 2025

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê tài sản công của Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ vào biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản công giữa Bệnh viện sản nhi tỉnh Ninh Bình và bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Ninh Bình ngày 06/02/2025.

Hôm nay, hồi 15h ngày 06/02/2025, tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Ninh Bình.

I. Thành phần:

- | | |
|----------------------------|----------------------------------|
| 1. Ông Hà Duy Tân | - Phó Giám đốc; |
| 2. Bà Nguyễn Thị Bích Hải | - Kế toán trưởng; |
| 3. Ông Nguyễn Quang Đông | - Trưởng Ban Thanh Tra Nhân dân; |
| 4. Bà Trương Thị Thu Hương | - Kế toán tài sản; |

II. Nội dung:

Tiến hành niêm yết Công khai tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê tài sản công theo Mẫu số 09a-CK/TSC về việc tiếp nhận tài sản cố định của Bệnh viện sản nhi tỉnh Ninh Bình. Niêm yết công khai trên bảng thông tin của Bệnh viện, thời gian niêm yết từ 06/02/2025 đến 07/03/2025. Đồng thời công khai trên website của Bệnh viện.

Tiếp nhận ý kiến trong thời gian công khai: đồng chí Trương Thị Thu Hương, phụ trách kế toán.

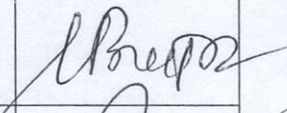
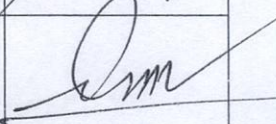
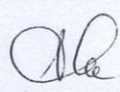
Sau thời gian niêm yết công khai: Bệnh viện sẽ tiến hành lập biên bản kết thúc việc công khai.

Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, trong đó: 01 bản gửi Sở Y tế, 01 bản lưu tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Ninh Bình./.

KT. GIÁM ĐỐC

Hà Duy Tân

CÁC THÀNH PHẦN THAM DỰ CÙNG THỐNG NHẤT KÝ TÊN

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chữ ký
1	Bà Nguyễn Thị Bích Hải	Kế toán trưởng	
2	Ông Nguyễn Quang Đông	Trưởng Ban Thanh Tra Nhân Dân	
3	Bà Trương Thị Thu Hương	Kế toán tài sản	

Bộ, tỉnh: Tỉnh Ninh Bình

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Y tế tỉnh Ninh Bình

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Bệnh viện Y học Cổ truyền Ninh Bình

Mã đơn vị: 1042186

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2025

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi		Ghi chú
											(nếu có)		
							Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Tài sản giao mới						325.775.593						
1	Đất khuôn viên						288.076.136						
1	Đất xây dựng trụ sở làm việc	Khuôn viên	1				288.076.136						
2	Nhà						34.005.593						
1	HT khoa nhiễm khuẩn		1				4.307.254						
2	Nhà bảo vệ	Cái	1				57.369						
3	Nhà bệnh nhân A	Cái	1				12.528.667						
4	Nhà điều trị B	Cái	1				9.979.311						
5	Nhà Dinh Dưỡng	Cái	1				459.582						
6	Nhà Khám Bệnh	Cái	1				1.651.267						
7	Nhà mổ, Nhà xét nghiệm	Cái	1				3.990.023						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi		Ghi chú
											(nếu có)		
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
8	Nhà tiếp đón bệnh nhân	Cái	1				613.746						
9	Nhà Vệ Sinh	Cái	1				111.374						
10	Nhà xe cán bộ	Cái	1				264.000						
11	Nhà xe ô tô	Cái	1				43.000						
3	Tài sản cố định khác						3.693.864						
1	Máy Biến áp 320KAV- 22/0.4KV và đường dây 0.4KV (BVSN cũ)	Chiếc	1			2017	641.801						
2	Máy điều hoà casper 18000 BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2018	16.600						
3	Máy điều hoà casper 18000 BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2018	11.610						
4	Máy điều hoà casper 18000 BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2018	11.610						
5	Máy điều hoà casper 18000 BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2018	11.610						
6	Máy điều hoà casper 18000 BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2018	11.610						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi		Ghi chú
							(Nghìn đồng)				(nếu có)		
											Nộp NSNN	Được để lại	
											(Nghìn đồng)	đơn vị	
												(Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
7	Máy điều hoà casper 18000 BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2018	11.610						
8	Máy điều hoà casper 24000 BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2018	16.600						
9	Máy điều hoà daikin 12000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2012	15.450						
10	Máy điều hoà daikin 12000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2012	15.450						
11	Máy điều hoà daikin 12000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2012	15.450						
12	Máy điều hoà daikin 12000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	16.764						
13	Máy điều hoà daikin 18000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2012	15.450						
14	Máy điều hoà daikin 18000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2013	45.000						

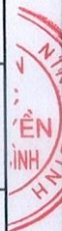
Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi		Ghi chú
											(nếu có)		
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
15	Máy điều hoà daikin 18000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2014	17.265						
16	Máy điều hoà daikin 18000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2014	17.985						
17	Máy điều hoà Daikin 18000 BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	25.450						
18	Máy điều hoà Daikin 18000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	12.970						
19	Máy điều hoà Daikin 18000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	12.970						
20	Máy điều hoà Daikin 18000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2014	17.292						
21	Máy điều hoà Daikin 18000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	32.350						
22	Máy điều hoà Daikin 18000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2008	12.500						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi		Ghi chú
							(Nghìn đồng)				(nếu có)		
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
23	Máy điều hoà Daikin 18000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	32.350						
24	Máy điều hoà Daikin 24000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	32.350						
25	Máy điều hoà Daikin 24000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	32.350						
26	Máy điều hoà daikin 9000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	13.750						
27	Máy điều hoà daikin 9000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	13.750						
28	Máy điều hoà daikin 9000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2013	14.600						
29	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	17.952						
30	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	17.952						

H
 VIỆ
 TỌC
 RƯ
 NINH
 *

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi		Ghi chú
											(nếu có)		
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
31	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2013	14.600						
32	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	17.952						
33	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	17.952						
34	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2014	10.203						
35	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	17.952						
36	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	17.952						
37	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2012	12.100						
38	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	12.970						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi		Ghi chú
							(Nghìn đồng)				(nếu có)		
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
39	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	12.970						
40	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	12.970						
41	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	12.970						
42	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2012	13.600						
43	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	12.970						
44	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	12.970						
45	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	25.450						
46	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	12.970						



Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi		Ghi chú
											(nếu có)		
							Nộp NSNN (Nghìn đồng)				Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
47	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	12.970						
48	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	25.450						
49	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	12.970						
50	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	12.970						
51	Máy điều hoà Daikin moden 60 20000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	17.952						
52	Máy điều hoà Daikin moden 60 20000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	17.952						
53	Máy điều hoà daikin moden 71 22000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2010	26.000						
54	Máy điều hoà daikin moden 71 22000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	17.952						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
							(Nghìn đồng)				Nộp NSNN	Được để lại	
											(Nghìn đồng)	đơn vị	
											(Nghìn đồng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
55	Máy điều hoà funiki sbc 18 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2017	10.450						
56	Máy điều hoà Funiki SBC 18 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2017	10.450						
57	Máy điều hoà Funiki SBC 18 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2017	10.450						
58	Máy điều hoà Funiki SBC 18 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2017	10.450						
59	Máy điều hoà funiki sbc 18 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2017	10.450						
60	Máy điều hoà Funiki SBC 24 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2017	13.450						
61	Máy điều hoà Funiki SBC 24 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2017	13.450						
62	Máy điều hoà Funiki SBC 24 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2017	13.450						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú	
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
63	Máy điều hoà Funiki SBC 24 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2017	13.450							
64	Máy điều hoà Funiki SBC 24000 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2017	13.450							
65	Máy điều hoà Funiki SBC 24000 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2017	13.450							
66	Máy điều hoà LG 24000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	27.335							
67	Máy điều hoà Media 12000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2016	14.826							
68	Máy điều hoà Media 12000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2016	17.481							
69	Máy điều hoà MEDIA 12000 BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	11.671							
70	Máy điều hoà MEDIA 12000 BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	11.671							

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú	
							(Nghìn đồng)				Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
71	Máy điều hoà media 12000btu 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	12.309							
72	Máy điều hoà Media 12000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	11.671							
73	Máy điều hoà Media 12000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	11.671							
74	Máy điều hoà media 18000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	15.180							
75	Máy điều hoà media 18000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	16.165							
76	Máy điều hoà Media 18000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	15.419							
77	Máy điều hoà Media 18000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	15.419							
78	Máy điều hoà media 18000btu 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	15.180							



Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi		Ghi chú
											(nếu có)		
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
79	Máy điều hoà Media 18000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	15.419						
80	Máy điều hoà Media 18000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	15.419						
81	Máy điều hoà Media 24000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	17.784						
82	Máy điều hoà Media 24000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	11.671						
83	Máy điều hoà Media 24000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	17.784						
84	Máy điều hoà panasonic 12000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	32.350						
85	Máy điều hoà Panasonic 18000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2013	32.500						
86	Máy điều hoà panasonic 24000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	26.000						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi		Ghi chú	
							(Nghìn đồng)				(nếu có)			
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
87	Máy điều hoà panasonic 24000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	26.000							
88	Máy điều hoà panasonic 24000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	26.000							
89	Máy điều hoà pensonic 11000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2009	12.163							
90	Máy điều hoà pensonic 12000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2009	10.004							
91	Máy điều hoà pensonic 12000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2008	11.900							
92	Máy điều hoà pensonic 18000btu 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2008	15.453							
93	Máy điều hoà pensonic 18000btu 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2008	15.453							
94	Máy điều hoà Tosiba 18000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2013	35.800							

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi		Ghi chú
											(nếu có)		
											Nộp NSNN	Được để lại	
											(Nghìn đồng)	đơn vị	
												(Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
95	Thang máy chờ bệnh nhân 20816 (BVSN cũ)	Chiếc	1			2014	1.480.000						
	Tổng cộng						325.775.593						

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Trương Thị Thu Hương

KÊ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Bích Hải

Ngày 06 tháng 02 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Hà Duy Tân